TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 56/2021/HS-ST Ngày: 27/7/2021	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Gia Khánh

Bà Trần Thị Lệ Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2021/TLST- HS ngày 24 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn T** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1976 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 9, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn O (tên gọi khác Phạm Công H đã chết) con bà Phạm Thị V; có vợ là Đỗ Thị H và có 03 con: Con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Văn N** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1982 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 8, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K (đã chết) con bà Nguyễn Thị M; có vợ là Nguyễn Thị H2 và có 02 con: Con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Họ và tên: **Phạm Văn D** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1972 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 10, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D1 (đã chết) con bà Trịnh Thị Y; có vợ là Trần Thị H3 và có 03 con: Con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không

Lịch sử bản thân: Tại Bản án số 48/2012/HSST ngày 07/12/2012 của TAND huyện K xử phạt Phạm Văn D 6.000.000 đồng về tội "Đánh bạc", ngày 27/9/2013 bị cáo đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Họ và tên: **Phạm Văn L** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1987 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 3, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H4 (đã chết) con bà Trịnh Thị T1; có vợ là Nguyễn Thị V1 và có 03 con: Con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Phạm Văn L1, sinh năm 1983; trú tại: Xóm 11, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. vắng mặt.

Anh Trần Văn T2, sinh năm 1982; trú tại: Xóm 11, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. vắng mặt.

Anh Vũ Văn H5, sinh năm 1978; trú tại: Thôn Đường 10 Tây, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình. vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1983; trú tại: Xóm 3, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. vắng mặt.

Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1983; trú tại: Xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1980; trú tại: Thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. vắng mặt.

Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1973; trú tại: Xóm 10, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. vắng mặt.

Anh Trịnh Văn T4, sinh năm 1982; trú tại: Thôn Đường 10 Tây, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình. vắng mặt.

*** Người chứng kiến**: Chị Nguyễn Hồng V2. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T, Phạm Văn D là những người không ký hợp đồng làm đại lý bán vé Xổ số Miền Bắc, mà tự nhận mua bán số lô, số đề với người khác, sau đó Thìn chuyển một phần cho D, còn lại T và D tự trả thưởng.

Phạm Văn T, Phạm Văn D và những người chơi quy ước số đề sẽ so với 02 số cuối của giải đặc biệt của xổ số kiến thiết miền Bắc, nếu trúng thì người bán sẽ phải trả gấp 70 lần tương ứng với số tiền người mua; T quy ước 1 điểm lô Hà Nội có giá 22.000 đồng hoặc 22.500 đồng, D quy ước là 22.000 đồng, khi đánh so với 02 số cuối của tất cả các giải từ giải bảy đến giải đặc biệt, mỗi điểm lô nếu trúng thì người mua được 80.000 đồng; Đối với lô xiên 2 trả thưởng gấp 10 lần, lô xiên 3 trả gấp 40 lần, lô xiên 4 trả gấp 100 lần. Nếu người mua không trúng thì chủ lô đề sẽ được hưởng số tiền mà người mua bỏ ra.

Trong các ngày 30 và 31/12/2020, tại nơi ở của mình Phạm Văn T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5, lắp sim số 0946528909 mua bán số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại với Trần Văn N, Vũ Văn H5 và Trần Văn T2, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Chiều ngày 30/12/2020, Phạm Văn T bán các số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại cho Trần Văn N có số 0352860489 lắp trong điện thoại nhãn hiệu Vsmart: 21 số đề tương ứng số tiền 430.000 đồng và 240 điểm lô (giá 22.000 đồng/1điểm) tương ứng số tiền 5.280.000 đồng. Đối chiếu với kết quả mở thưởng ngày 30/12/2020, Trần Văn N trúng thưởng 63 điểm lô tương ứng số tiền 5.040.000đồng. Tổng số tiền Phạm Văn T và Trần Văn N đánh bạc vào ngày 30/12/2020 là 10.750.000 đồng.

Bán số lô, số đề cho Vũ Văn H5, qua số 0977891107 lắp trong điện thoại nhãn hiệu Vsmart: 02 số đề tương ứng số tiền 200.000 đồng và 200 điểm lô (giá 22.500 đồng/1 điểm) tương ứng số tiền 4.500.000 đồng. Đối chiếu với kết quả mở thưởng ngày 30/12/2020, Vũ Văn H5 không trúng thưởng số lô, số đề nào. Tổng số tiền Phạm Văn T và Vũ Văn H5 đánh bạc vào ngày 30/12/2020 là 4.700.000 đồng.

Bán số lô, số đề cho Trần Văn T2, qua số 0852332135 lắp trong máy điện thoại nhãn hiệu Itel: 100 điểm lô (giá 22.500 đồng/1 điểm) tương ứng số tiền 2.250.000 đồng. Đối chiếu với kết quả mở thưởng ngày 30/12/2020, Trần Văn T2 không trúng thưởng số lô nào. Tổng số tiền Phạm Văn T và Trần Văn T2 đánh bạc vào ngày 30/12/2020 là 2.250.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ngày 30/12/2020 của Phạm Văn T là 17.700.000 đồng.

Sau khi mua được các số lô, số đề nêu trên Phạm Văn T giữ lại để tự trả thưởng. Số tiền đánh bạc T chưa thanh toán với Trần Văn N, Vũ Văn H5, riêng T2 đã thanh toán với T.

Lần thứ hai: Chiều ngày 31/12/2020, cũng bằng hình thức và địa điểm như trên Phạm Văn T tiếp tục bán các số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại cho Trần Văn N: 04 số đề tương ứng số tiền 40.000 đồng và 80 điểm lô (giá 22.000 đồng/1 điểm) tương ứng số tiền 1.760.000 đồng. Đối chiếu với kết quả mở thưởng ngày 31/12/2020, Trần Văn N trúng thưởng 35 điểm lô tương ứng số tiền 2.800.000đồng, trúng thưởng 10.000 đồng số đề tương ứng số tiền 700.000 đồng. Tổng số tiền Phạm Văn T và Trần Văn N đánh bạc vào ngày 31/12/2020 là 5.300.000 đồng.

Bán số lô cho Vũ Văn H5 qua tin nhắn điện thoại với 200 điểm lô (giá 22.500 đồng/1 điểm) tương ứng với số tiền 4.500.000 đồng. Đối chiếu với kết quả mở thưởng ngày 31/12/2020, Vũ Văn H5 không trúng thưởng số lô nào. Tổng số tiền Phạm Văn T và Vũ Văn H5 đánh bạc vào ngày 31/12/2020 là 4.500.000 đồng.

Bán số lô cho Trần Văn T2 qua tin nhắn điện thoại với 200 điểm lô (giá 22.500 đồng/1 điểm) tương ứng với số tiền 4.500.000 đồng. Đối chiếu với kết quả mở thưởng ngày 31/12/2020, Trần Văn T2 không trúng thưởng số lô nào. Tổng số tiền Phạm Văn T và Trần Văn T2 đánh bạc vào ngày 31/12/2020 là 4.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ngày 31/12/2020 của Phạm Văn T là 14.330.000 đồng.

Sau khi bán các số lô, số đề cho Trần Văn N, Vũ Văn H5 và Trần Văn T2 vào ngày 31/12/2020, Phạm Văn T nhắn tin chuyển cho Phạm Văn D có số 0947261044 lắp trong điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus tổng số 255 điểm lô (giá 22.000 đồng/1 điểm) tương ứng số tiền 5.610.00 đồng để hưởng tiền chênh lệch và mua cho bản thân 01 số đề với giá 30.000 đồng, D đồng ý. Các số lô, số đề còn lại T giữ lại để tự trả thưởng. Đối chiếu kết quả mở thưởng ngày 31/12/2020, T không trúng thưởng số lô, số đề trên. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc giữa Phạm Văn D và Phạm Văn T là 5.640.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, ngoài việc mua bán số lô, số đề do Phạm Văn T chuyển đến, trong ngày 31/12/2020, tại nơi ở của mình Phạm Văn D còn sử dụng chiếc điện thoại nêu trên bán số lô, số đề qua tin nhắn cho Phạm Văn L, Nguyễn Văn G, Phạm Văn L1, trong đó:

- Dân bán số lô cho Phạm Văn L có số điện thoại 0946111127 lắp trong điện thoại nhãn hiệu Samsung Glaxy A51: 50 điểm lô (22.000 đồng/1 điểm) tương ứng số tiền 1.100.000 đồng. Đối chiếu kết quả mở thưởng ngày 31/12/2020, L trúng thưởng 50 điểm số lô tương ứng số tiền 4.000.000 đồng. Tổng số tiền Phạm Văn D và Phạm Văn L đánh bạc là 5.100.000 đồng.

- Dân bán số lô cho Nguyễn Văn G, sinh năm 1983, trú tại xóm 3, xã H, huyện K có số điện thoại 0912338177 lắp trong điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 tổng số 90 điểm lô (22.000 đồng/1 điểm) tương ứng số tiền 1.980.000 đồng và 300.000 đồng lô xiên. Đối chiếu kết quả mở thưởng ngày 31/12/2020, G trúng thưởng 30 điểm lô tương ứng số tiền 2.400.000 đồng. Tổng số tiền Phạm Văn D và Nguyễn Văn G đánh bạc là 4.680.000 đồng.

- Dân bán số lô cho Phạm Văn L, sinh năm 1983, trú tại xóm 11, xã H, huyện K qua số điện thoại 0944082662 lắp trong điện thoại nhãn hiệu Nokia 3310: 25 điểm lô (22.000 đồng/1 điểm) tương ứng số tiền 550.000 đồng. Đối chiếu kết quả mở thưởng ngày 31/12/2020, L trúng thưởng 10 điểm lô tương ứng số tiền 800.000 đồng. Tổng số tiền Phạm Văn D và Phạm Văn L đánh bạc là 1.350.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Phạm Văn D đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề cho Phạm Văn T, Phạm Văn L, Nguyễn Văn G và Phạm Văn L1 trong ngày 31/12/2020 là 16.770.000 đồng**.**

Qua đơn tố giác của quần chúng nhân dân, Cơ quan điều tra đã triệu tập Phạm Văn T đến làm việc, lập biên bản vi phạm hành chính đối với T.

Vật chứng thu giữ: Quá trình điều tra thu giữ của Phạm Văn T 01 điện thoại di động Samsung J5 màu vàng, 01 điện thoại di động OPPO A12, số tiền 1.630.000 đồng; Thu của Trần Văn N 01 điện thoại di động Vsmart màu xanh, đen lắp sim số 0435286489; Thu của Vũ Văn H5 01 điện thoại di động Vsmart Active 3 màu xanh, đen; Thu của Phạm Văn D 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, 01 điện thoại di động Samsung J7 Pro và số tiền 22.000.000 đồng; Thu của Phạm Văn L 01 điện thoại di động Samsung A51 màu xanh, đen; Thu của Trần Văn T2 01 điện thoại di động Itel màu đen lắp sim số 0852.332.135; Thu của Nguyễn Văn G 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám lắp sim số 0912339177.

Tại Bản kết luận giám định về kỹ thuật số và điện tử số 1703/C09-P6 ngày 08/6/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: “Tìm thấy 84 tin nhắn SMS lưu trữ trong điện thoại di động Vsmart Active của Vũ Văn H5; tìm thấy 53 tin nhắn SMS lưu trữ trong điện thoại di động Samsung J5 của Phạm Văn T; tìm

thấy 8 tin nhắn SMS lưu trữ trong điện thoại di động Iphone 6 Plus của Phạm Văn D”

Bản Cáo trạng số 58/CT-VKS ngày 23/6/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố các bị cáo Phạm Văn T, Trần Văn N, Phạm Văn D và Phạm Văn L về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Trần Văn N, Phạm Văn D và Phạm Văn L phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng: khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i *(đối với bị cáo L)*, s khoản 1; khoản 2 *(đối với bị cáo N và bị cáo T)* Điều 51; điểm g *(đối với bị cáo T và bị cáo Nam)* khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt bổ sung 12 triệu đồng đến 17 triệu đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Trần Văn N cho Uỷ ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo N từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Phạm Văn D cho Uỷ ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo D từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước.

* Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Samsung J5 màu vàng; 01 điện thoại di động Vsmart màu xanh, đen; 01 điện thoại di động Vsmart Active 3 màu xanh, đen; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus; 01 điện thoại di động Samsung A51 màu xanh, đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen, đã sử dụng vào việc đánh bạc.

- Trả lại cho Phạm Văn D 01 điện thoại di động Samsung J7 Pro màu vàng và số tiền 22.000.000 đồng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án;

- Trả lại cho Phạm Văn T 01 điện thoại di động OPPO A12 màu xanh và số tiền 1.630.000 đồng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án;

- Truy thu bị cáo Phạm Văn T số tiền 10.820.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc (8.540.000 đồng của N; 2.250.000 đồng của T2 và 30.000 đồng T đánh bạc với D).

- Truy thu bị cáo Trần Văn N số tiền 7.510.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc với T.

- Truy thu bị cáo Phạm Văn D số tiền 7.200.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc (4.000.000 đồng của L; 2.400.000 đồng của G và 800.000 đồng của L1).

- Truy thu bị cáo Phạm Văn L số tiền 1.100.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc với D.

- Buộc anh Vũ Văn H phải nộp lại số tiền 4.700.000 đồng đánh bạc cùng với bị cáo T ngày 30/12/2021.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi nêu trên và không có ý kiến gì khác, không tranh luận với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đều xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý

kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Đơn tố giác tội phạm; Biên bản sự việc lập ngày 31/12/2020; Biên bản kiểm tra điện thoại; Bản kết luận giám định số 1703/C09-P6 ngày 08/6/2021; Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi đó gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự ở địa phương, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, cụ thể vào chiều các ngày 30 và 31/12/2020, tại xã C và xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Phạm Văn T, Trần Văn N, Phạm Văn D và Phạm Văn L đã có hành vi đánh bạc với hình thức số lô, số đề. Trong đó, Phạm Văn T và Trần Văn N có 02 lần thực hiện hành vi đánh bạc, cụ thể như sau:

Chiều ngày 30/12/2020, Phạm Văn T có hành vi đánh bạc với Trần Văn N số tiền là 10.750.000 đồng, với Vũ Văn H5 số tiền là 4.700.000 đồng, với Trần Văn T2 số tiền là 2.250.000 đồng. Tổng cộng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của T là 17.700.000 đồng. Chiều ngày 31/12/2020, Phạm Văn T tiếp tục đánh bạc với Trần Văn N số tiền là 5.300.000 đồng, với Vũ Văn H5 số tiền là 4.500.000 đồng, với Trần Văn T2 số tiền là 4.500.000 đồng và với Phạm Văn D số tiền là 30.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của T là 14.330.000 đồng.

Đối với Phạm Văn D, trong buổi chiều ngày 31/12/2020 đã có hành vi đánh bạc với Phạm Văn T số tiền là 5.640.000 đồng, với Phạm Văn L số tiền là 5.100.000 đồng, với Nguyễn Văn G số tiền là 4.680.000 đồng và với Nguyễn Văn L số tiền là 1.350.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của D là 16.770.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc".

Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị

phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

……

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

Từ sự phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Phạm Văn T, Trần Văn N, Phạm Văn D và Phạm Văn L phạm tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như đã được viện dẫn. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như vị trí, vai trò của các bị cáo:

Đây và vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng là vụ án đồng phạm giản đơn nên khi xem xét, quyết định hình phạt cũng cần phân tích đánh giá tính chất, vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp:

Đối với bị cáo Phạm Văn T, có nhân thân thân tốt, tuy nhiên bị cáo lại giữ vai trò cao nhất trong vụ án, bị cáo là người trực tiếp bán số lô, số đề, tự trả thưởng cho Trần Văn N, Vũ Văn H5 và Trần Văn T2 và chuyển một phần số lô, số đề cho Phạm Văn D để hưởng chênh lệch. Trong thời gian hai ngày 30 và 31/12/2020 bị cáo T thực hiện hành vi bán số lô, số đề đều trên mức truy cứu trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 32.030.000 đồng. Do vậy bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao nhất.

Đối với bị cáo Trần Văn N, bị cáo cũng có nhân thân tốt, hành vi phạm tội của bị cáo chỉ mang tính được thua, bị cáo là người chơi, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc không lớn, cụ thể ngày 30/12/2020 bị cáo sử dụng số tiền 5.280.000 đồng vào việc đánh bạc, ngày hôm đó bị cáo thắng, nên tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc trong ngày là 10.750.000 đồng; ngày 31/12/2020, bị cáo lại tiếp tục sử dụng số tiền 1.760.000 đồng vào việc đánh bạc, trong ngày 31/12/2020 bị cáo thắng, nên tổng số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc trong ngày là 5.300.000 đồng. Tuy nhiên, trong cả hai ngày 30 và 31/12/2020 đều trên mức truy cứu trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 16.050.000 đồng. Bị cáo giữ vai trò thứ hai trong vụ án, do đó bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Văn D, bị cáo có nhân thân xấu, năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 6.000.000 đồng về tội "Đánh bạc", bị cáo đã chấp hành

xong bản án năm 2013 tuy nhiên không lấy đó làm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, nhưng bị cáo lại không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân mà vẫn lao vào con đường phạm tội. Bị cáo là người trực tiếp bán số lô, số đề cho bị cáo T, bị cáo L và một số người khác, số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc trong ngày 31/12/2020 là 16.770.000 đồng. Tuy bị cáo có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc cao hơn bị cáo N, nhưng bị cáo chỉ phạm tội 01 lần. Do đó, bị cáo giữ vai trò thứ ba trong vụ án, mặt khác, vì vậy cũng cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Văn L, là người có nhân thân tốt, bị cáo giữ vai trò cuối cùng trong vụ án, số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc với bị cáo D là 5.100.000 đồng. Nên bị cáo L phải chịu mức hình phạt tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn L, Phạm Văn D không có tình tiết tăng nặng. Còn đối với bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Trần Văn N phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*phạm tội 02 lần trở lên*" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Phạm Văn T, Trần Văn N, Phạm Văn D và Phạm Văn L được hưởng tình tiết *"thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Phạm Văn L được hưởng tình tiết giảm nhẹ "*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Trần Văn N có bố, mẹ đẻ là người có công với cách mạng được tặng nhiều giấy khen, huân huy chương của Nhà nước; bị cáo T, bị cáo N là lao động chính trong gia đình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, mẹ đẻ bị cáo T đang bị ung thư giai đoạn cuối, còn bị cáo N bị di chứng của chất độc da cam và hàng tháng được hưởng trợ cấp của Nhà nước, do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Từ sự phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo T là nghiêm trọng, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật bằng hình thức cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Còn đối với bị cáo N và bị cáo D, xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà xử phạt bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng giúp các bị cáo nhìn nhận ra lỗi lầm

của mình. Còn đối với bị cáo L chỉ cần áp dụng hình chính là phạt tiền cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập:

Hội đồng xét xử xét thấy, ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo T, N và D là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo N, bị cáo D là người đang trong độ tuổi lao động, có thu nhập, có tài sản riêng, nên cần phải khấu trừ thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Về các vấn đề khác:

Trong vụ án này còn có Vũ Văn H5, Trần Văn T2 có hành vi đánh bạc với Phạm Văn T vào ngày 30 và 31/12/2020; Nguyễn Văn G, Phạm Văn L có hành vi đánh bạc với Phạm Văn D vào ngày 31/12/2020. Tuy nhiên, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc trong từng lần đều dưới 5.000.000 đồng, bản thân H5, T2, G và L chưa có tiền án, tiền sự về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nên hành vi không cấu thành tội "Đánh bạc" theo Điều 321 Bộ luật hình sự. Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và truy thu số tiền sử dụng vào việc đánh bạc đối với H5, T, G và L là đúng quy định pháp luật.

Đối với hành vi đánh bạc của Vũ Văn H5, Trần Văn T2 với Phạm Văn T vào ngày 30/12/2020, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã chuyển tài liệu liên quan đến Cơ quan Công an huyện K đề nghị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này đối với H5 và T2 là đúng quy định pháp luật.

Đối với Trịnh Văn T4, sinh năm 1982, trú tại thôn Đường 10 Tây, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình đã có hành vi mua 04 số đề tương ứng với số tiền 8.000 đồng qua tin nhắn điện thoại với Vũ Văn H5 vào ngày 29/12/2020. Tài liệu điều tra cho thấy H5 không đồng ý nên hành vi của Trịnh Văn T4 chưa có dấu hiệu vi phạm pháp luật, nên không xem xét xử lý là đúng quy định pháp luật.

Đối với Phạm Văn Q có số thuê bao điện thoại 0352860489 và Nguyễn Văn T3 có số thuê bao điện thoại 0946528909 và Đỗ Văn Đ có số thuê bao điện thoại 0947261044. Quá trình điều tra đã xác minh anh Q, anh T3 sau khi kích hoạt thuê bao và sử dụng hết tiền trong tài khoản thì không sử dụng số thuê bao đó nữa, không biết sau này ai sử dụng. Còn anh Đ, sau khi sử dụng số điện thoại đó một thời gian không dùng nữa đã cho Phạm Văn D sử dụng, anh Đ không biết D sử

dụng số điện thoại đó vào việc phạm tội. Do đó, anh Q, anh T3 và anh Đ không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo, nên không có cơ sở xem xét xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 điện thoại di động Samsung J5 màu vàng thu giữ của Phạm Văn T; 01 điện thoại di động Vsmart màu xanh, đen lắp sim số 0435286489 thu giữ của Trần Văn N; 01 điện thoại di động Vsmart Active 3 màu xanh, đen thu giữ của Vũ Văn H5; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus thu giữ của Phạm Văn D; 01 điện thoại di động Samsung A51 màu xanh, đen thu giữ của Phạm Văn L; 01 điện thoại di động Itel màu đen lắp sim số 0852.332.135 thu giữ của Trần Văn T2; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám lắp sim số 0912339177 thu giữ của Nguyễn Văn G là phương tiện các bị cáo, người liên quan sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- Đối với 01 điện thoại di động Samsung J7 Pro màu vàng và số tiền 22.000.000 đồng thu giữ của Phạm Văn D. Đối với 01 điện thoại di động OPPO A12 màu xanh và số tiền 1.630.000 đồng thu giữ của Phạm Văn T. Quá trình điều tra xác định số tiền và chiếc điện thoại nói trên T và D không sử dụng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho Phạm Văn T và Phạm Văn D là đúng quy định của pháp luật, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án;

- Đối với số tiền 10.820.000 đồng bị cáo Phạm Văn T sử dụng vào việc đánh bạc, cụ thể: 8.540.000 đồng của N; 2.250.000 đồng của T2 (đánh bạc cùng với bị cáo T ngày 30/12/2021) và 30.000 đồng T đánh bạc với D. Cần phải truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước;

- Đối với số tiền 7.510.000 đồng, bị cáo Trần Văn N đã sử dụng vào việc đánh bạc với bị cáo T. Cần phải truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước;

- Đối với số tiền 7.200.000 đồng bị cáo Phạm Văn D đã sử dụng vào việc đánh bạc, cụ thể: 4.000.000 đồng của Long; 2.400.000 đồng của Giang và 800.000 đồng của L. Cần phải truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước;

- Đối với số tiền 1.100.000 đồng bị cáo Phạm Văn L đã sử dụng vào việc đánh bạc với bị cáo D. Cần phải truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước;

- Đối với số tiền 4.700.000 đồng anh Vũ Văn H5 đã sử dụng vào việc đánh bạc cùng với bị cáo T ngày 30/12/2021, anh H5 chưa thanh toán cho bị cáo T, nên cần buộc anh Vũ Văn H5 phải nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo Phạm Văn T, Trần Văn N, Phạm Văn D và Phạm Văn L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i *(đối với bị cáo L)*, s khoản 1; khoản 2 *(đối với bị cáo T và bị cáo N)* Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 *(đối với bị cáo Tvà bị cáo N);* Điều 58; Điều 38 *(đối với bị cáo T)*; Điều 36 *(đối với bị cáo N, bị cáo D)*; Điều 35 *(đối với bị cáo L)*; khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T, Trần Văn N, Phạm Văn D và Phạm Văn L phạm tội "Đánh bạc".

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 06 *(sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo T số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn N 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Trần Văn N cho Uỷ ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Khấu trừ từ 5% thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo N 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 12 *(mười hai)* tháng cải tạo không giam giữ. thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo D cho UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo D có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 05% thu nhập hàng tháng của bị cáo D trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo D số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn L số tiền 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước

2. Xử lý vật chứng và và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Samsung J5 màu vàng thu giữ của Phạm Văn T; 01 điện thoại di động Vsmart màu xanh, đen lắp sim số 0435286489 thu giữ của Trần Văn N; 01 điện thoại di động Vsmart Active 3 màu xanh, đen thu giữ của Vũ Văn H5; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus thu giữ của Phạm Văn D; 01 điện thoại di động Samsung A51 màu xanh, đen thu giữ của Phạm Văn L; 01 điện thoại di động Itel màu đen lắp sim số 0852.332.135 thu giữ của Trần Văn T2; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám lắp sim số 0912339177 thu giữ của Nguyễn Văn G là phương tiện các bị cáo, người liên quan sử dụng vào việc phạm tội;

- Trả lại cho Phạm Văn D 01 điện thoại di động Samsung J7 Pro màu vàng và số tiền 22.000.000 đồng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án;

- Trả lại cho Phạm Văn T 01 điện thoại di động OPPO A12 màu xanh và số tiền 1.630.000 đồng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án;

- Truy thu bị cáo Phạm Văn T số tiền 10.820.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

- Truy thu bị cáo Trần Văn N số tiền 7.510.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc với T.

- Truy thu bị cáo Phạm Văn D số tiền 7.200.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

- Truy thu bị cáo Phạm Văn L số tiền 1.100.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc với D.

- Buộc anh Vũ Văn H5 phải nộp lại số tiền 4.700.000 đồng đánh bạc cùng với bị cáo T ngày 30/12/2021.

(Chi tiết như Biên bản giao nhận vật chứng và Ủy nhiệm chi ngày 05/7/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

3. Án phí: Buộc các bị cáo Phạm Văn T, Trần Văn N, Phạm Văn D và Phạm Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện K;*
- *VKSND tỉnh Ninh Bình;*
- *Công an huyện K;*
- *THADS huyện K;*
- *Bị cáo, người LQ;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng